ỦY BAN NHÂN DÂN TP CẦN THƠ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT CẦN THƠ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH/NGHỀ: CHĂN NUÔI THÚ Y

MÃ NGÀNH/NGHỀ: 5620120

TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP *(hệ tốt nghiệp THCS)*

Ban hành kèm theo Quyết định số: 299/QĐ-KTKT, ngày 15 tháng 8 năm 2024

của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ

NĂM 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TP CẦN THƠ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KINH TẾ - KỸ THUẬT CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành, nghề: CHĂN NUÔI THÚ Y

Mã ngành, nghề: 5620120

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 2,5 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo:

Chương trình đào tạo nghề Chăn nuôi Thú y trình độ trung cấp hoạt động trong lĩnh vực nuôi dưỡng, chăm sóc, chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi; ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới nhằm bảo vệ sức khỏe cho vật nuôi, góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi, cung cấp sản phẩm có giá trị và an toàn cho xã hội, phục vụ tốt chiến lược phát triển chăn nuôi bền vững, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Các nhiệm vụ chính của nghề gồm tham gia sản xuất thuốc thú y, chế biến thức ăn chăn nuôi; sản xuất con giống; nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi; truyền tinh nhân tạo; ấp trứng nhân tạo; chẩn đoán bệnh cho vật nuôi; phòng, điều trị bệnh cho vật nuôi; kinh doanh thuốc thú y, thức ăn và sản phẩm chăn nuôi.

Người học sau khi tốt nghiệp nghề "Chăn nuôi - Thú y" trình độ trung cấp có thể làm ở các cơ sở chăn nuôi, công ty sản xuất, kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi; các trại, công ty sản xuất con giống gia súc, gia cầm;các cơ sở, hợp tác xã, công ty, trang trại, hộ gia đình chăn nuôi; các trạm, trại, các trung tâm dịch vụ nông nghiệp, các cơ quan chuyên môn hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi thú y; các cửa hàng dịch vụ thú y, kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi; tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn...

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo nghề Chăn nuôi Thú y trình độ trung cấp nhằm đào tạo Kỹ sư Thực hành Thú y có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, đáp ứng được nhu cầu về phát triển khoa học kỹ thuật ngày càng cao của xã hội trong lĩnh vực Thú y;

cung cấp nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng tay nghề thành thạo, có khả năng tiếp tục học tập, tham gia học tập ở các bậc cao hơn trong và ngoài nước.

Người học có lòng yêu nước, có ý chí lập thân, lập nghiệp với tư duy năng động, sáng tạo, có đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm với công việc, ý thức tổ chức kỷ luật và có tác phong sinh hoạt văn minh.

Người học sau khi tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức

- Trình bày được các cách sử dụng dụng cụ thú y, dụng cụ, thiết bị chăn nuôi, máy móc thiết bị phòng thí nghiệm, trang thiết bị phòng dịch, các máy móc thiết bị khác;

- Trình bày được các đặc điểm sinh lý, sinh hóa, đặc điểm giải phẫu vật nuôi; các giống vật nuôi và các phương pháp lai giống; một số loại cây thức ăn gia súc, cách trồng và khai thác và nguồn gốc, vai trò dinh dưỡng của các loại thức ăn chăn nuôi;

- Trình bày được tính chất, tác dụng và ứng dụng điều trị của các loại thuốc thú y, vắc xin và chế phẩm sinh học dùng trong thú y; quy trình sản xuất thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi;

- Trình bày được các ứng dụng về công nghệ thông tin, kỹ năng giao tiếp, soạn thảo văn bản, làm việc nhóm, giải quyết các vấn đề phát sinh;

- Mô tả được các phương pháp huấn luyện đực giống và khai thác tinh dịch, pha chế, bảo quản, kiểm tra đánh giá chất lượng tinh dịch;

- Trình bày được các bước công việc trong quy trình ấp trứng nhân tạo; phương pháp trợ sản cho gia súc đẻ và các biện pháp can thiệp khi gia súc đẻ khó;

- Mô tả được quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc các loại vật nuôi; các yếu tố ảnh hưởng tới sự sinh trưởng và phát triển của vật nuôi;

- Trình bày được các phương pháp thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi;

- Mô tả được các phương pháp huấn luyện, chăm sóc, phòng và trị bệnh cho thú cưng; các bước công việc trong chẩn đoán lâm sàng, tiên lượng tình trạng

bệnh cho vật nuôi; nguyên nhân, triệu chứng của các bệnh thường gặp trên vật nuôi, phân tích được phác đồ điều trị bệnh hiệu quả;

- Trình bày được quy trình tiêm phòng vắc xin, nhận biết được những phản ứng sau khi tiêm vắc xin và đưa ra giải pháp xử lý kịp thời;

- Trình bày được các bước lập kế hoạch và thực hiện kinh doanh thuốc thú y, thức ăn và sản phẩm chăn nuôi;

- Trình bày được các kiến thức về Luật Thú y, Luật Chăn nuôi và các biện pháp chuyển giao khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi, thú y; các biện pháp an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong chăn nuôi thú y;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, tin học, ngoại ngữ, giáo dục quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2.2. Kỹ năng

- Áp dụng được các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y;

- Sử dụng được các dụng cụ thú y, dụng cụ, thiết bị chăn nuôi, trang thiết bị phòng dịch, các máy móc thiết bị khác.

- Lựa chọn được các loại thức ăn chăn nuôi phù hợp với đối tượng vật nuôi;

- Trồng và khai thác được cây thức ăn gia súc; thực hiện các bước sơ chế, bảo quản sản phẩm chăn nuôi; các biện pháp xử lý chất thải trong chăn nuôi;

- Tham gia thực hiện quy trình sản xuất thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi;

- Huấn luyện được đực giống và khai thác tinh dịch đúng kỹ thuật; pha chế, bảo quản, kiểm tra đánh giá được chất lượng tinh dịch;

- Thực hiện vận hành máy ấp trứng nhân tạo đúng quy trình;

- Lựa chọn được con giống đạt tiêu chuẩn và thực hiện nuôi dưỡng chăm sóc các loại vật nuôi đúng quy trình;

- Thực hiện trợ sản được cho gia súc và hỗ trợ xử lý được các trường hợp gia súc đẻ khó;

- Thực hiện được việc huấn luyện, chăm sóc, phòng và trị bệnh cho thú cưng;

- Thực hiện đúng các phương pháp khám bệnh cho vật nuôi; quy trình tiêm phòng vắc xin; một số phương pháp chẩn đoán bệnh cho vật nuôi;

- Lập được phác đồ điều trị và thực hiện điều trị được các bệnh: nội khoa, ngoại khoa, sản khoa, ký sinh trùng, truyền nhiễm cho vật nuôi;

- Tổ chức và thực hiện được kinh doanh con giống, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi và các sản phẩm chăn nuôi đảm bảo đúng pháp luật của nhà nước;

- Sử dụng được các biện pháp khoa học, kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, không gây ô nhiễm môi trường, tạo ra nền sản xuất nông nghiệp bền vững và phát triển;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;

- Trung thực và có tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc độc lập, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao; lao động có chất lượng và năng suất cao;

- Sử dụng đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động trong quá trình thực hiện, đảm bảo an toàn cho người và vật nuôi;

- Tự chịu trách nhiệm về công việc của mình trước cơ quan, doanh nghiệp và chính quyền nơi mình công tác;

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Chủ động, sáng tạo, khoa học, cẩn thận, tỷ mỷ trong công việc;

- Có tình yêu nghề, say mê nghiên cứu ứng dụng góp phần phát triển cho bản thân, xây dựng quê hương đất nước;

- Có ý thức vươn lên trong học tập, không ngừng đưa tiến bộ kỹ thuật mới vào lĩnh vực sản xuất của ngành nhằm tạo ra các sản phẩm có chất lượng, giá trị kinh tế cao cho xã hội.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo nghề Chăn nuôi Thú y trình độ trung cấp, có năng lực đáp ứng được các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Thực hiện sản xuất thuốc thú y

- Chế biến thức ăn chăn nuôi

- Sản xuất con giống

- Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi

- Truyền tinh nhân tạo

- Ấp trứng nhân tạo

- Chẩn đoán bệnh cho vật nuôi

- Phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi

- Kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 60 tín chỉ *(không kể học phần Công tác xã hội 01 tín chỉ)*

- Số lượng môn học: 24

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255/11 (giờ/tín chỉ)

- Khối lượng các môn học các môn học, mô đun chuyên môn: 1335/49 (giờ/tín chỉ)

- Khối lượng lý thuyết: 462 giờ; thực hành, thực tập: 1.128 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	**Năng lực cơ bản (năng lực chung)**	
1.	NLCB-01	Năng lực sử dụng tiếng Anh Sơ cấp - Bậc 1 KNLNNVN (Tương đương CEFR A1)
2.	NLCB-02	Năng lực sử dụng công nghệ thông tin đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.
3.	NLCB-03	Năng lực hiểu biết về chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách.

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
4.	NLCB-04	Năng lực hiểu biết về Nhà nước và pháp luật. Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Vận dụng kiến thức pháp luật vào thực tiễn.
5.	NLCB-05	Năng lực hiểu biết về hệ thống chính trị, pháp luật và quốc phòng - an ninh của nhà nước Việt Nam, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
6.	NLCB-06	Đảm bảo khả năng đáp ứng về thể chất, sức khỏe đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp
7.	NLCB-07	Năng lực thực hiện các kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và tham gia hội nhập, khởi nghiệp sau khi tốt nghiệp
8.	NLCB-08 Năng lực về kỹ thuật trong việc chăm sóc và nuôi	Tư vấn kỹ thuật chăm sóc, điều trị bệnh cho vật nuôi
9.	NLCB-09 Năng lực về giám sát và đánh giá tình hình dịch bệnh, duy trì vệ sinh trong	Quy trình phòng bệnh cho vật nuôi
10.	NLCB-10 Năng lực sử dụng các trang thiết bị, thuốc, hóa chất trong ngành chăn	Kinh doanh các máy móc, hóa chất, thức ăn, thuốc trong ngành chăn nuôi thú y
11.	NLCB-11	Sử dụng dụng cụ thú y
12.	NLCB-12	Sử dụng dụng cụ, thiết bị chăn nuôi
13.	NLCB-13	Sử dụng các trang, thiết bị phòng dịch
14.	NLCB-14	Sử dụng máy móc thiết bị khác
15.	NLCB-15	Sử dụng, quản lý thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi
16.	NLCB-16	Thực hiện biện pháp an toàn lao động
17.	NLCB-17	Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
18.	NLCB-18	Sử dụng tài nguyên hợp lý
II	**Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)**	
1.	NLCL-01	Khai thác sơ chế và bảo quản thức ăn
2.	NLCL-02	Kiểm tra chất lượng nguyên liệu
3.	NLCL-03	Phối trộn nguyên liệu theo công thức
4.	NLCL-04	Chế biến thức ăn chăn nuôi
5.	NLCL-05	Quản lý thức ăn chăn nuôi
6.	NLCL-06	Xác định giống vật nuôi
7.	NLCL-07	Chọn lọc và ghép đôi nhân giống
8.	NLCL-08	Kiểm tra, đánh giá chất lượng giống vật nuôi
9.	NLCL-09	Chọn giống vật nuôi
10.	NLCL-10	Quản lý giống vật nuôi
11.	NLCL-11	Chuẩn bị chuồng trại và trang thiết bị chăn nuôi
12.	NLCL-12	Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi ở các giai đoạn
13.	NLCL-13	Huấn luyện, chăm sóc thú cưng
14.	NLCL-14	Huấn luyện gia súc đực
15.	NLCL-15	Khai thác tinh dịch
16.	NLCL-16	Dẫn tinh cho vật nuôi
17.	NLCL-17	Kiểm tra kết quả truyền tinh
18.	NLCL-18	Điều khiển máy ấp, máy nở
19.	NLCL-19	Kiểm tra sinh học trứng ấp
20.	NLCL-20	Ra giống, chọn lọc, phân loại và phòng bệnh
21.	NLCL-21	Chẩn đoán lâm sàng
22.	NLCL-22	Chẩn đoán qua mổ khám
23.	NLCL-23	Chẩn đoán qua dịch tễ học
24.	NLCL-24	Lấy mẫu bệnh phẩm
25.	NLCL-25	Tiên lượng tình trạng bệnh
26.	NLCL-26	Thực hiện quy trình tiêm phòng
27.	NLCL-27	Lập phác đồ điều trị
28.	NLCL-28	Điều trị bệnh nội khoa

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
29.	NLCL-29	Điều trị bệnh ngoại khoa
30.	NLCL-30	Điều trị bệnh sản khoa
31.	NLCL-31	Điều trị bệnh ký sinh trùng
32.	NLCL-32	Điều trị bệnh truyền nhiễm
33.	NLCL-33	Theo dõi, đánh giá kết quả phòng và điều trị
34.	NLCL-34	Xử lý động vật, sản phẩm động vật không đảm bảo vệ sinh thú y
35.	NLCL-35	Kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật
36.	NLCL-36	Năng lực thực hiện quy trình công nghệ chăn nuôi, xử lí dịch bệnh.
37.	NLCL-37	Năng lực điều trị các bệnh truyền nhiễm, nội khoa, ký sinh trùng, sản khoa, ngoại khoa
38.	NLCL-38	Năng lực quản lý vệ sinh môi trường chăn nuôi, quản lý trang trại chăn nuôi.
39.	NLCL-39	Kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật, Xử lý động vật, sản phẩm động vật không đảm bảo vệ sinh thú y
III	**Năng lực nâng cao**	
1.	NLNC-01	Năng lực thực hiện quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi; phân tích kiểm định chất lượng thức ăn
2.	NLNC-02	Năng lực về giám sát và đánh giá tình hình dịch bệnh, duy trì vệ sinh trong chuồng trại, và tiêm phòng định kỳ cho quần thể.
IV	**Năng lực bổ trợ**	
1.	NLBT-01	Có kỹ năng lập kế hoạch và tiến hành công việc; kỹ năng quản lý công việc; kỹ năng quản lý tài chính cá nhân;
2.	NLBT-02	Có kỹ năng giảm sự lo lắng và căng thẳng trong công việc; kỹ năng linh hoạt, thích nghi với sự thay đổi.
3.	NLBT-03	Có kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng ra quyết định; kỹ năng sáng tạo; kỹ năng khởi nghiệp;

6. Nội dung chương trình:

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Thi/ Kiểm tra
I. Các môn học chung		**11**	**255**	**94**	**148**	**13**
TMC304	Giáo dục Chính trị	2	30	15	13	2
TCM302	Pháp luật	1	15	9	5	1
TCM406	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
TMC305	Giáo dục Quốc phòng và AN	2	45	21	21	3
TMC301	Tin học	2	45	15	29	1
TMC107	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
II. Các môn học chuyên môn		**49**	**1335**	**336**	**975**	**24**
II.1. Môn học cơ sở						
TCN101	Giải phẫu - Tổ chức học	4	75	43	30	2
TCN306	Dược lý thú y	3	60	28	30	2
TCN201	Giống vật nuôi	2	45	13	30	2
TCN202	Thức ăn gia súc	2	45	13	30	2
II.2. Môn học chuyên môn						
TCN302	Chăn nuôi gia súc	3	60	28	30	2
TCN405	Chăn nuôi gia cầm	3	60	28	30	2
TCN305	Thú y cơ bản 1	3	45	43	0	2
TCN402	Gieo tinh nhân tạo	2	45	13	30	2
TCN404	Thú y cơ bản 2	3	45	43	0	2
TCN403	Kiểm nghiệm thú sản	2	30	28	0	2
TCN408	Thực tập doanh nghiệp 1	3	135	0	135	0
TCN409	Thực tập doanh nghiệp 2	2	90	0	90	0
TCN503	Thực hành nghề nghiệp	2	60	0	60	0
TCN511	Thực tập doanh nghiệp 3	5	225	0	225	0
TCN602	Bệnh truyền nhiễm	3	60	28	30	2
TKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
	Công tác xã hội	1	45	0	45	0
II.3. Môn học tự chọn, nâng cao						
TCN509	Khuyến nông CNTY	2	30	28	0	2
TTM501	*Quản trị doanh nghiệp*	*2*	*30*	*28*	*0*	*2*
	Công tác xã hội	1	45	0	45	0
Tổng cộng		**60**	**1590**	**426**	**1128**	**36**

7. Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ 1

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc					
1	TMC406	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
2	TMC302	Pháp luật	1	15	9	5	1
3	TMC109	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
4		Công tác xã hội	1	45	0	45	0
Tổng cộng:			**5**	**135**	**43**	**85**	**7**

Học kỳ 2

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc					
1	TMC304	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
2	TMC305	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
3	TMC301	Tin học	2	45	15	29	1
4	TCN101	Giải phẫu – Tổ chức học	4	75	43	30	2
Tổng cộng:			**10**	**195**	**94**	**93**	**8**

Học kỳ 3

TT	Mã MH	Môn học -	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc					
1	TCN306	Dược lý thú y	3	60	28	30	2
2	TCN201	Giống vật nuôi	2	45	13	30	2
3	TCN202	Thức ăn gia súc	2	45	13	30	2
4	TCN302	Chăn nuôi gia súc	3	60	28	30	2
Tổng cộng:			**10**	**210**	**82**	**120**	**8**

Học kỳ 4

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc					
1	TCN503	Thực hành nghề nghiệp	2	60		58	2
2	TCN405	Chăn nuôi gia cầm	3	60	28	30	2
3	TCN305	Thú y cơ bản 1	3	45	43	0	2
4	TCN402	Gieo tinh nhân tạo	2	45	13	30	2
5	TCN404	Thú y cơ bản 2	3	45	43	0	2
6	TCN403	Kiểm nghiệm thú sản	2	30	28	0	2
7	TCN408	Thực tập doanh nghiệp 1	3	135		135	
8	TCN409	Thực tập doanh nghiệp 2	2	90	0	90	
		Môn học tự chọn					
1	TCN509	Khuyến nông CNTY	2	30	28		2
Tổng cộng:			**22**	**540**	**183**	**343**	**14**

Học kỳ 5

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc					
	TCN602	Bệnh truyền nhiễm	3	60	28	30	2
	TCN511	Thực tập doanh nghiệp 3	5	225		225	
	TKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225		225	
Tổng cộng:			**14**	**570**	**28**	**540**	**2**

8. Hướng dẫn sử dụng chương trình

Chương trình đào tạo ngành Chăn nuôi Thú y trình độ Trung cấp được thực hiện theo phương thức đào tạo tín chỉ.

Chương trình có tổng số 60 tín chỉ với các môn học và khối lượng được xây dựng như trên là những quy định bắt buộc bao gồm các nội dung sau:

- Đối với chương trình các môn học chung được thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng giảng dạy, cụ thể:

1. Môn Giáo dục quốc phòng - An ninh: Thực hiện theo Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương

binh và Xã hội quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng

2. Môn Tin học: Thực hiện theo Thông tư 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; Công văn số 2468/TCGDNN-ĐTCQ ngày 23/11/2023 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc khai thác, sử dụng mô đun đào tạo "Năng lực số";

3. Môn Giáo dục thể chất: Thực hiện theo Thông tư 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

4. Môn Pháp Luật: Thực hiện theo Thông tư 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

5. Môn Giáo dục chính trị: Thực hiện theo Thông tư 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

6. Môn Anh Văn: Thực hiện theo Thông tư 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Anh Văn thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành Chăn nuôi thú y trình độ Trung cấp được thực hiện theo phương thức đào tạo tín chỉ. Chương trình có tổng số tín chỉ: 60 tín chỉ với các môn học và khối lượng được xây dựng như trên là những quy định bắt buộc bao gồm các nội dung sau:

Các môn học chuyên môn: bao gồm kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên môn và kiến thức tự chọn.

Các kiến thức, kỹ năng bổ trợ, như: kỹ năng đàm phán, kỹ năng tìm việc, quản lý tài chính,... (theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp)

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành:

Được thực hiện theo phương thức tích lũy tín chỉ để đo khối lượng học tập của người học, thời gian của các hoạt động trong khóa học được tính theo giờ và quy ra đơn vị tín chỉ để xác định khối lượng học tập, mỗi năm học được chia làm 02 học kỳ (5 tháng/1 học kỳ).

Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút.

Khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành tùy theo từng ngành, nghề đào tạo phải đảm bảo tỷ lệ: Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% - 45%; Thực hành, thực tập, thí nghiệm từ 55% - 75%.

- Thực hiện nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Thực hiện theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 338/QĐ-KTKT, ngày 19/9/2022 của Hiệu trưởng Trường về việc ban hành Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho học sinh, sinh viên; đồng thời được lồng ghép với thực hiện Chương trình môn học Công tác xã hội thực hiện theo Quyết định số 476/QĐ-KTKT ngày 01/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ về việc ban hành Chương trình môn học Công tác xã hội áp dụng cho HSSV các lớp cao đẳng, trung cấp hệ chính quy.

Các hoạt động dã ngoại, trải nghiệm: Tổ chức các câu lạc bộ chuyên ngành và các đợt tham quan thực tế liên quan đến chuyên ngành và các kỹ năng bổ trợ, vận động sinh viên tham gia để có kiến thức thực tiễn về ngành nghề; tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động công ích, hoạt động tình nguyện vì cộng đồng, cứu trợ thiên tai, các phong trào đền ơn đáp nghĩa nhằm giáo dục đạo đức, định hướng đạo đức tư tưởng.

- Thực hiện tổ chức thi kết thúc môn học: Việc tổ chức thi kết thúc môn học thực hiện theo Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành của Trường.

- Thực hiện xét công nhận tốt nghiệp: Người học phải học xong chương trình và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong Chương trình đào tạo sẽ được Hội đồng xét tốt nghiệp xét đủ điều kiện để công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ Trung cấp với ngành/nghề được đào tạo, cụ thể:

Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học được đánh giá theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên.

Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Về điều kiện Tin học, Ngoại ngữ: Thực hiện theo quy định của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, cụ thể như sau:

Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông Tin và Truyền Thông, đáp ứng yêu cầu công việc.

Có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trở lên.

- Trường cấp bằng tốt nghiệp cho người học: Trình độ Trung cấp

9. Các chú ý khác

Chương trình này có giá trị sử dụng sau khi được thẩm định và có quyết định ban hành triển khai thực hiện kể từ ngày ký.

Cần Thơ, ngày 08 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thành Long